

VỀ THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP KINH DOANH, THƯƠNG MẠI CỦA TOÀ ÁN THEO BỘ LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ NĂM 2004

ThS. VŨ THỊ HỒNG VÂN *

1. Thực trạng pháp luật về thẩm quyền giải quyết các tranh chấp kinh doanh, thương mại

Theo điểm b tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần I Nghị quyết số 01/2005/HĐTP/TATC ngày 31/3/2005 về hướng dẫn một số quy định trong phần thứ nhất “Những quy định chung” của BLTTDS (gọi tắt là Nghị quyết số 01) thì toà kinh tế có nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết các tranh chấp về kinh doanh, thương mại theo quy định tại Điều 29 BLTTDS, cụ thể là những tranh chấp kinh doanh, thương mại sau đây:

- Tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa các cá nhân, tổ chức có đăng kí kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận bao gồm 14 lĩnh vực.⁽¹⁾

Bên cạnh việc liệt kê các hoạt động kinh doanh, thương mại bao gồm 14 lĩnh vực theo khoản 1 Điều 29 BLTTDS, Nghị quyết số 01 đưa ra khái niệm về hoạt động kinh doanh, thương mại: “*Là việc thực hiện một hay nhiều hành vi thương mại, hoạt động kinh doanh, thương mại không chỉ là hoạt động trực tiếp theo đăng kí kinh doanh, thương mại mà còn bao gồm cả các hoạt động khác phục vụ, thúc đẩy, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, thương mại*” (Mục 3.3 Phần I) đã mở rộng phạm vi thẩm quyền của toà án rộng hơn so với quy định tại khoản 1 Điều 12 Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ

án kinh tế đồng thời tránh được sự nhầm lẫn giữa tranh chấp kinh doanh, thương mại với tranh chấp dân sự (theo nghĩa hẹp). Tuy nhiên, để áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 29 BLTTDS thì các tranh chấp kinh doanh, thương mại được liệt kê theo khoản 1 Điều 29 BLTTDS phải có hai điều kiện sau:

Trước hết, điều kiện về chủ thể, chủ thể của tranh chấp phải là các cá nhân, tổ chức có đăng kí kinh doanh với nhau - đó là các cá nhân, tổ chức được các cơ quan có thẩm quyền đăng kí kinh doanh cấp giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh theo quy định của pháp luật (Mục 3.1 Phần I Nghị quyết số 01). Nghĩa là, phạm vi về chủ thể của các tranh chấp kinh doanh, thương mại cũng mở rộng so với khoản 1 Điều 12 Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án kinh tế. Quy định này không những khắc phục được những vướng mắc trên thực tiễn áp dụng là nhiều tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh giữa các chủ thể kinh doanh nhưng không được toà án giải quyết theo tố tụng kinh tế mà còn hạn chế được sự bất bình đẳng trong cơ chế giải quyết các tranh chấp phát sinh trong hoạt động thương mại của thương nhân. Song quy định này của BLTTDS đã loại bỏ loại chủ thể hết sức phổ biến trong hoạt động kinh doanh đó là các

* Vụ 12, Viện kiểm sát nhân dân tối cao

bệnh viện, trường học, các đơn vị sự nghiệp hành chính của Nhà nước... Mặc dù Nghị quyết số 01 đã hướng dẫn theo hướng mở là những tranh chấp kinh doanh, thương mại mà một trong các bên không có đăng kí kinh doanh nhưng đều có mục đích lợi nhuận cũng thuộc thẩm quyền giải quyết của toà kinh tế, nhưng vấn đề cũng chưa được giải quyết dứt điểm vì những chủ thể kể trên lại không có mục đích lợi nhuận khi tham gia vào hoạt động kinh doanh, thương mại. Đây là các đối tác rất quan trọng của chủ thể kinh doanh. Thực tế đã có nhiều quan hệ được thiết lập giữa các chủ thể kinh doanh với nhóm chủ thể này, chẳng hạn như hợp đồng xây dựng trụ sở làm việc, hợp đồng mua bán trang thiết bị với số lượng lớn... Như vậy, trong quan hệ giữa một bên là chủ thể kinh doanh với các chủ thể nói trên, đối với chủ thể kinh doanh thì đó là là quan hệ kinh doanh nhưng khi tranh chấp xảy ra trong quan hệ kinh doanh của họ lại không được coi là tranh chấp về kinh doanh, thương mại.

Điều kiện thứ hai, về mục đích của hoạt động kinh doanh, thương mại. BLTTDS quy định rõ các bên đều phải có mục đích lợi nhuận, "*mục đích lợi nhuận của cá nhân, tổ chức trong hoạt động kinh doanh, thương mại là mong muốn của cá nhân, tổ chức đó thu được lợi nhuận mà không phân biệt có thu được hay không thu được lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh, thương mại đó*" (Mục 3.2 Phần I Nghị quyết số 01). Quy định này nhằm minh bạch hơn quy định về mục đích của tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của toà kinh tế theo thủ tục tố tụng kinh tế trong các văn bản pháp luật trước đó nhưng vô hình chung đã loại bỏ hoàn toàn loại chủ

thể là các đơn vị sự nghiệp hành chính có tư cách pháp nhân.

- Tranh chấp giữa công ti với thành viên của công ti, giữa các thành viên của công ti với nhau liên quan đến việc thành lập, hoạt động, giải thể, sáp nhập, hợp nhất, chia tách, chuyển đổi hình thức tổ chức của công ti (khoản 3 Điều 29 BLTTDS). Trong trường hợp này cần phân biệt hai loại tranh chấp sau:

Một là, tranh chấp giữa công ti với các thành viên công ti là những tranh chấp về phần vốn góp của mỗi thành viên đối với công ti; về mệnh giá cổ phiếu và số cổ phiếu phát hành đối với mỗi công ti cổ phần; về quyền sở hữu một phần tài sản của công ti tương ứng với phần vốn góp vào công ti; về quyền được chia lợi nhuận hoặc nghĩa vụ chịu lỗ tương ứng với phần vốn góp vào công ti; về yêu cầu công ti chuyển đổi các khoản nợ hoặc thanh toán các khoản nợ của công ti, thanh lí tài sản và thanh lí hợp đồng mà công ti đã kí khi giải thể công ti; về các vấn đề khác liên quan đến thành lập, hoạt động, giải thể, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi hình thức công ti.

Hai là, tranh chấp giữa thành viên của công ti với nhau là tranh chấp về những vấn đề: Về trị giá phần vốn góp vào công ti giữa các thành viên của công ti; về việc chuyển nhượng vốn góp vào công ti giữa các thành viên của công ti; về chuyển nhượng phần vốn góp vào công ti của thành viên đó cho người khác không phải là thành viên của công ti; về việc chuyển nhượng cổ phiếu không ghi tên và cổ phiếu có ghi tên; về mệnh giá cổ phiếu và số cổ phiếu phát hành của công ti cổ phần; về quyền sở hữu tài sản của thành viên, số cổ phiếu của thành viên...

Hiện nay, theo quy định của điểm đ khoản 2 Điều 47 Luật doanh nghiệp năm 2005 và Điều 25 của Luật doanh nghiệp nhà nước năm 2003 thì các doanh nghiệp kể cả công ti nhà nước được quyền thuê giám đốc để điều hành hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Đây là quy định mới, xuất phát từ nhu cầu thực tiễn. Thực tế này đã dẫn tới hệ quả là khi có tranh chấp xảy ra giữa công ti hoặc thành viên của công ti với người được thuê làm giám đốc công ti thì liệu đây có phải là tranh chấp kinh doanh, thương mại không? Hoặc nếu công ti kiện giám đốc là người được thuê mà không phải là thành viên công ti, yêu cầu đòi vị giám đốc đó bồi thường thiệt hại do việc quản lí, điều hành yếu kém thì đây là vụ kiện gì: Tranh chấp kinh doanh, thương mại phát sinh trong nội bộ công ti, tranh chấp hợp đồng lao động hay tranh chấp dân sự?

Theo khoản 2 Điều 29 BLTTDS thì tranh chấp giữa hợp tác xã với xã viên hoặc tranh chấp giữa các xã viên trong hợp tác xã phát sinh trong quá trình thành lập, hoạt động, giải thể, tổ chức lại hợp tác xã thì sẽ không thuộc phạm vi khái niệm tranh chấp kinh doanh, thương mại và không thuộc thẩm quyền giải quyết của toà án. Vậy, thực tế phát sinh những loại tranh chấp này thì giải quyết theo cơ chế nào?

Theo chúng tôi, mọi tranh chấp phát sinh từ việc thành lập, tổ chức quản lí và tổ chức hoạt động của doanh nghiệp (nhiều chủ) nói chung và công ti nói riêng là tranh chấp về kinh doanh, thương mại để được toà án giải quyết như vụ án kinh tế mà không nên quy định điều kiện bắt buộc là các bên tranh chấp phải là thành viên công ti hoặc công ti. Hơn

nữa, hiện nay nhiều loại hình hợp tác xã kinh doanh ngành vận tải biển dương, vận tải hàng không có mức vốn pháp định không nhỏ, do giá trị của các tranh chấp trong hợp tác xã rất cần được giải quyết bởi một cơ quan tài phán mang quyền lực nhà nước (toà án). Có thể nói, những loại tranh chấp nêu trên đều đã và sẽ xảy ra, mặc dù có tính chuyên biệt nhưng chúng đều liên quan đến hoạt động kinh doanh, thương mại, do vậy, cần xác định thẩm quyền giải quyết là cần thiết.

Thứ ba, tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ. BLTTDS đã mở rộng các tranh chấp về kinh doanh, thương mại sang cả những tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ giữa các tổ chức và cá nhân với nhau đều có mục đích lợi nhuận là một loại tranh chấp kinh doanh, thương mại.

Ở Việt Nam với thực trạng toà dân sự đang bị quá tải vì số lượng vụ việc dân sự, trong khi chúng ta đang có hệ thống toà kinh tế từ Toà án nhân dân tối cao đến toà kinh tế cấp tỉnh. Cùng với vai trò quan trọng của quyền sở hữu trí tuệ đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, việc BLTTDS quy định tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ là một loại tranh chấp kinh doanh, thương mại là phù hợp và cần thiết. Tuy nhiên, khoản 4 Điều 25 BLTTDS cũng quy định tranh chấp dân sự bao gồm cả tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ. Vậy đâu là ranh giới để phân định giữa tranh chấp dân sự và tranh chấp kinh doanh, thương mại về loại việc này? Theo BLTTDS thì đó là tiêu chí mục đích lợi nhuận của tranh chấp. Ngoài ra, Nghị quyết số 01 còn hướng dẫn: "*Đối với các tranh chấp quy định tại khoản 2 Điều 29*

BLTTDS thì không nhất thiết đòi hỏi cá nhân, tổ chức phải có đăng kí kinh doanh mà chỉ đòi hỏi cá nhân, tổ chức đều có mục đích lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh, thương mại; nếu chỉ có một bên có mục đích lợi nhuận, còn bên kia không có mục đích lợi nhuận thì tranh chấp đó là tranh chấp về dân sự quy định tại khoản 4 Điều 25 BLTTDS” (Mục 3.4 Phần I). Như vậy, đối với loại tranh chấp này, căn cứ vào những quy định trên có thể xác định được ranh giới giữa tranh chấp dân sự và tranh chấp kinh doanh, thương mại. Quy định này hoàn toàn phù hợp với thực tiễn của việc giải quyết tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ hiện nay.

Thứ tư, các tranh chấp khác về kinh doanh, thương mại. Xuất phát từ hoạt động kinh doanh trong điều kiện nền kinh tế thị trường rất đa dạng, phức tạp nên các tranh chấp kinh doanh cũng phong phú, nhiều vẻ. Vì vậy, các nhà làm luật khó có thể liệt kê hết được mọi loại tranh chấp kinh doanh, thương mại. Mặt khác, để phù hợp với tính “lạc hậu” của pháp luật với tư cách là bộ phận của kiến trúc thượng tầng so với cơ sở hạ tầng, các nhà làm luật đã quy định về “các tranh chấp khác về kinh doanh, thương mại”. Đây là quy định mở, mang tính dự liệu, đón đầu của pháp luật trong việc điều chỉnh các quan hệ xã hội luôn biến động đặc biệt là các quan hệ kinh doanh và tranh chấp kinh doanh, thương mại.

BLTTDS đã bỏ sót một số loại tranh chấp mà trên thực tế đã xảy ra rất phổ biến như các tranh chấp phát sinh từ quan hệ uỷ thác, giám định, đấu thầu, đấu giá... Bên cạnh đó, những tranh chấp mới phát sinh như tranh chấp liên quan đến quảng cáo, đến

hành vi cạnh tranh không lành mạnh (tranh chấp về việc bán phá giá, tranh chấp về tung tin thất thiệt hạ uy tín của đối thủ cạnh tranh...) đang và sẽ diễn ra hết sức phức tạp trong nền kinh tế thị trường nước ta hiện nay có được xem là tranh chấp kinh doanh và thuộc phạm vi của khoản 4 Điều 29 BLTTDS hay không, nếu chúng xảy ra thì toà án cấp nào có thẩm quyền giải quyết, cần phải có hướng dẫn cụ thể.

Hiện nay, những tranh chấp kinh doanh, thương mại khác mà chưa xác định là loại tranh chấp nào, chúng sẽ thuộc thẩm quyền giải quyết của toà án nhân dân cấp huyện hay cấp tỉnh cũng chưa được pháp luật đề ra những tiêu chí nhất định. Do đó, để hạn chế sự chòng chéo và đùn đẩy lẫn nhau giữa toà án các cấp, chúng tôi cho rằng ngay từ bây giờ cần phải có quy định cụ thể về vấn đề này theo hướng: Các tranh chấp khác nêu phát sinh trên thực tế sẽ do toà án nhân dân cấp tỉnh giải quyết để phòng trường hợp có những vụ án quá phức tạp đòi hỏi thẩm phán phải có trình độ cao.

Tóm lại, BLTTDS vẫn còn phân biệt giữa tranh chấp dân sự, tranh chấp kinh doanh, thương mại và tranh chấp lao động. Điều này sẽ dẫn đến một số khó khăn, vướng mắc nảy sinh trong thực tiễn, bởi vì khi phân biệt các loại tranh chấp cũng như quyền hạn, nhiệm vụ của mỗi toà chuyên trách giải quyết tranh chấp tương ứng sẽ kéo theo hậu quả hoặc là phát sinh tranh chấp về thẩm quyền giữa các toà chuyên trách trong hệ thống toà án nhân dân hoặc thực hiện theo quy định tại điểm d Mục 1.1. Phần I Nghị quyết số 01 như đã phân tích ở trên. Tuy nhiên, đó cũng chỉ là quy định tạm thời mang tính giải pháp tình

thể, vì quy định này không những không có cơ sở để bảo đảm rằng các toà án khác nhau sẽ có cách giải quyết giống nhau được tranh chấp cùng loại mà còn không đáp ứng được yêu cầu về chuyên môn hoá đội ngũ thẩm phán và người phải gánh chịu hậu quả là chính các đương sự. Trong khi đó, đương sự khi đưa tranh chấp ra toà án họ thường chỉ quan tâm đến việc toà án giải quyết tranh chấp có nhanh chóng, chính xác, đúng pháp luật hay không, bản án, quyết định có được thi hành trên thực tế không. Mặt khác, việc phân biệt và liệt kê các tranh chấp dân sự, kinh doanh, thương mại và lao động trong BLTTDS sẽ rất dễ tạo ra những ngoại lệ, sẽ phát sinh những vụ tranh chấp không thuộc bất kì nhóm tranh chấp nào và do đó không toà chuyên trách nào có thẩm quyền giải quyết. Ở khía cạnh nhất định, việc phân định này không có ý nghĩa đối với toà án nhân dân cấp huyện, vì ở toà án nhân dân cấp huyện không có toà chuyên trách trong khi theo quy định trên đây của BLTTDS, các loại việc chủ yếu do Toà án nhân dân cấp huyện giải quyết...

Chúng tôi cho rằng không nên phân biệt giữa vụ án dân sự, hôn nhân gia đình, kinh tế, lao động mà chỉ nên quy định: Toà dân sự có thẩm quyền chung để xét xử tất cả các vụ án phi hình sự và phi hành chính. Làm được như vậy trước hết sẽ khắc phục được những khó khăn, vướng mắc như đã trình bày do phương pháp xác định thẩm quyền theo vụ việc hiện nay. Bên cạnh đó, nếu làm được theo phương pháp này sẽ phù hợp với xu hướng tổ chức toà án của Việt Nam trong tương lai là tổ chức toà án theo cấp xét xử. Và quy định mới này còn tạo điều kiện cho

toà án chủ động hơn khi thụ lí và giải quyết các tranh chấp phát sinh.

2. Thực tiễn áp dụng các quy định về thẩm quyền giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại theo quy định của BLTTDS

Từ khi BLTTDS có hiệu lực đến nay, việc giải quyết các tranh chấp kinh doanh, thương mại ở các cấp toà án đã đạt được những kết quả khả quan. Cụ thể là: Năm 2005, toà án nhân dân các cấp đã giải quyết theo thủ tục sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm được 1354 vụ tranh chấp kinh doanh, thương mại, tăng 66% so với năm 2004; năm 2006 giải quyết được 2169 vụ án trong tổng số 2741 vụ (trong đó, thụ lí mới là 2458 vụ án và chuyển từ năm 2005 sang là 256 vụ). Đặc biệt là năm 2006, đây là năm đầu tiên án kinh doanh thương mại, thụ lí mới vượt qua ngưỡng 2000 vụ/năm. Tất cả án đều tăng ở toà án các cấp, nhất là toà án nhân dân cấp huyện tăng 312%. Điều đó cho thấy việc mở rộng thẩm quyền của toà án nhân dân cấp huyện theo tinh thần cải cách tư pháp đã bước đầu đạt được những kết quả nhất định. Ở toà án nhân dân cấp tỉnh án cũng không giảm mà còn tăng đến 64%. Qua đó chứng tỏ hoạt động kinh doanh, thương mại càng phát triển thì các tranh chấp kinh doanh, thương mại càng tăng mạnh và số lượng tranh chấp đưa đến toà án yêu cầu giải quyết cũng tăng nhanh và xu hướng còn tăng hơn trong thời gian tới.

Tuy nhiên, trong quá trình xét xử vẫn gặp nhiều vấn đề cần được các cơ quan có thẩm quyền quan tâm để quy định chi tiết và có hướng dẫn cụ thể:

Thứ nhất, chưa có ranh giới để phân biệt giữa tranh chấp kinh doanh, thương mại và tranh chấp dân sự. Trong thực tiễn xét xử,

tòa án đã gặp khó khăn khi phải xác định tranh chấp sau đây là tranh chấp dân sự hay tranh chấp kinh doanh, thương mại, đó là tranh chấp giữa cá nhân góp vốn là thành viên hội đồng quản trị của trường phổ thông dân lập với pháp nhân trường phổ thông dân lập đó phát sinh trong quá trình hoạt động của trường.

Trước hết, cần khẳng định đây không phải là án kinh doanh thương mại, bởi vì theo quy định của Luật giáo dục năm 1998 và Luật giáo dục năm 2005, Nghị định của Chính phủ số 43/2000/NĐ-CP ngày 30/8/2000 và Quyết định của Bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo số 39/2001/QĐ-BGD&ĐT ngày 28/8/2001 thì trường phổ thông dân lập được coi là một pháp nhân, có hội đồng quản trị với các thành viên góp vốn tham gia, mục đích của những người tham gia góp vốn cũng là để được chia lãi nhưng trường phổ thông dân lập không phải là tổ chức thuần túy về thương mại nên không được coi là công ti. Vì vậy, tranh chấp giữa cá nhân góp vốn là thành viên trong hội đồng quản trị của trường phổ thông dân lập với pháp nhân trường phổ thông dân lập không được coi là loại tranh chấp giữa thành viên công ti với công ti theo quy định tại khoản 3 Điều 29 BLTTDS. Tuy nhiên, để giải quyết tranh chấp này, cần áp dụng quy định tại điểm b tiểu mục 1.1 mục 1 Phần I Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao số 01/2005/NQ-HĐTP ngày 31/3/2005, theo đó, đây là loại tranh chấp về đầu tư giữa người góp vốn là cá nhân không có đăng ký kinh doanh với tổ chức không có đăng ký kinh doanh nhưng cả hai đều nhằm mục đích lợi nhuận, tranh chấp này thuộc thẩm quyền

giải quyết của toà kinh tế (đối với các cấp toà án có toà chuyên trách) và khi giải quyết phải sử dụng kí hiệu trên bản án, quyết định là kinh doanh, thương mại.

Còn câu hỏi tranh chấp loại này thuộc thẩm quyền giải quyết của toà án nhân dân cấp nào thì chưa được quy định trong BLTTDS và cũng chưa được hướng dẫn cụ thể. Vì vậy, đề nghị Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sớm có hướng dẫn cụ thể để thực hiện cho thống nhất giữa các cấp toà án. Theo chúng tôi, cần cho phép Tòa án nhân dân cấp huyện có thể giải quyết loại tranh chấp này.

Thứ hai, về tranh chấp giữa thành viên công ti với công ti. Trường hợp đương sự là thành viên công ti trách nhiệm hữu hạn khởi kiện ra toà án yêu cầu toà án xử cho rút vốn đã góp khỏi công ti thì toà án có thụ lí và giải quyết không?

Trong trường hợp này toà án cần áp dụng điểm c khoản 1 Điều 168 BLTTDS và không thụ lí đơn kiện mà phải trả lại đơn với lí do chưa đủ điều kiện khởi kiện và cần giải thích cho đương sự để họ có thể thực hiện quyền định đoạt phần vốn góp theo quy định của pháp luật, bởi vì theo Luật doanh nghiệp năm 2005, việc điều chỉnh vốn trong công ti trách nhiệm hữu hạn chỉ được thực hiện dưới ba hình thức sau: Thành viên công ti yêu cầu công ti mua lại phần vốn góp (Điều 43), thành viên công ti chuyển nhượng lại vốn góp cho người khác theo quy định của pháp luật (Điều 44) và việc tăng, giảm vốn góp (Điều 60). Như vậy, Luật doanh nghiệp năm 2005 không quy định cho thành viên công ti trách nhiệm hữu hạn được rút vốn ra khỏi công ti khi không muốn ở lại công ti. Nghĩa

là, tranh chấp này không thuộc loại tranh chấp giữa thành viên công ti với công ti phát sinh trong quá trình thành lập, hoạt động, giải thể và tổ chức lại công ti theo khoản 2 Điều 29 BLTTDS nên tòa án không có quyền thụ lý và giải quyết.

Bên cạnh đó, thực tiễn phát sinh trường hợp giám đốc công ti lợi dụng cương vị quản lý của mình chiếm dụng vốn của công ti (không thuộc trường hợp chiếm đoạt bị xử lý về hình sự). Công ti kiện giám đốc ra tòa để đòi lại số tiền bị chiếm dụng. Đây có phải là loại tranh chấp kinh doanh, thương mại giữa công ti và thành viên công ti hay không? Nếu giám đốc công ti là người đại diện theo pháp luật của công ti thì ai đại diện cho công ti để ký đơn khởi kiện vụ án?

Vấn đề này cũng tương tự như trường hợp nêu trên, không phải mọi quan hệ giữa công ti và thành viên công ti khi có tranh chấp đều thuộc loại tranh chấp về kinh doanh, thương mại theo quy định tại khoản 3 Điều 29 BLTTDS. Chỉ những loại tranh chấp được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn tại các điểm a, c tiểu mục 3.5 mục 3 phần I Nghị quyết số 01/2005/NQ-HĐTP ngày 31/3/2005 mới thuộc loại tranh chấp kinh doanh, thương mại theo quy định tại khoản 3 Điều 29 BLTTDS. Do đó, tranh chấp này cũng không phải là tranh chấp kinh doanh, thương mại theo khoản 3 Điều 29 BLTTDS, tuy nhiên tòa án vẫn có thể giải quyết tranh chấp nếu có đơn khởi kiện hợp lệ. Nhưng ai là người đại diện cho công ti ký đơn khởi kiện vụ án này? Đương nhiên trong trường hợp này, vị giám đốc đó sẽ không bao giờ ký đơn khởi kiện chính mình ra tòa án. Mặt khác, theo quy định của pháp luật, Chủ tịch hội đồng thành viên công ti TNHH

cũng không thể ký đơn nếu điều lệ của công ti quy định giám đốc (tổng giám đốc) là người đại diện theo pháp luật của công ti. Do vậy, trong trường hợp này, để đơn kiện hợp lệ cần áp dụng quy định tại điểm 1 khoản 2 Điều 164 và khoản 1 Điều 169 BLTTDS. Theo đó, tòa án nên hướng dẫn công ti trách nhiệm hữu hạn đó họp hội đồng thành viên để ra quyết định thay đổi chức vụ giám đốc (hoặc tổng giám đốc) công ti theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 47 Luật doanh nghiệp, sau đó giám đốc (hoặc tổng giám đốc) mới được bổ nhiệm phải được đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh về thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ti theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật doanh nghiệp năm 2005. Trên cơ sở đó, Giám đốc (hoặc tổng giám đốc) mới sẽ ký đơn khởi kiện đối với thành viên công ti là giám đốc (hoặc tổng giám đốc) cũ đồng thời tham gia tố tụng vụ án này. Hoặc trong trường hợp này, hội đồng thành viên của công ti trách nhiệm hữu hạn cũng có thể tiến hành sửa đổi, bổ sung điều lệ của công ti theo điểm k khoản 2 Điều 47 Luật doanh nghiệp để thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ti từ giám đốc (hoặc tổng giám đốc) sang chủ tịch hội đồng thành viên (đối với công ti TNHH) hoặc chủ tịch hội đồng quản trị (đối với công ti cổ phần). Sau đó, người ký đơn khởi kiện giám đốc là chủ tịch hội đồng thành viên hoặc chủ tịch hội đồng quản trị.

Thứ ba, đối với bị đơn là công ti nước ngoài không có trụ sở chính tại Việt Nam nhưng có văn phòng đại diện đăng ký hoạt động tại Việt Nam mà phát sinh tranh chấp, tòa án nơi có văn phòng đại diện của bị đơn có thẩm quyền thụ lý và giải quyết không? Theo chúng tôi, vấn đề này cần căn cứ vào

quy định tại Điều 410 và Chương III của BLTTDS, theo đó cần phải xác định những vấn đề sau:

- Phải xác định vụ án có thuộc thẩm quyền của toà án Việt Nam hay không? Theo điểm a khoản 2 Điều 410 BLTTDS: "*Toà án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài trong các trường hợp sau: a. Bị đơn là cơ quan, tổ chức nước ngoài có trụ sở chính tại Việt Nam hoặc bị đơn có cơ quan quản lý, chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam*", đây là vụ án có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền của toà án Việt Nam.

- Cần phải xác định vụ án này thuộc thẩm quyền của toà án nào của Việt Nam? Về nguyên tắc, khi xác định một vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của toà án nhân dân cấp nào thì trước hết cần áp dụng quy định tại khoản 3 Điều 33 và điểm c khoản 1 Điều 34 BLTTDS, theo đó, vụ án loại này thuộc thẩm quyền giải quyết của toà án nhân dân cấp tỉnh. Ngoài ra, cần áp dụng Điều 35 và Điều 36 BLTTDS để xác định toà án nhân dân tỉnh nào có thẩm quyền giải quyết vụ án này. Tuy nhiên, tại các Điều 35, Điều 36 BLTTDS không đề cập trường hợp chủ thể không có trụ sở tại Việt Nam nhưng có Văn phòng đại diện tại Việt Nam, các điều luật nói trên chỉ quy định về tòa án nơi có trụ sở, nơi có chi nhánh của bị đơn.

Như vậy, toà án nơi có văn Phòng đại diện của bị đơn không có thẩm quyền giải quyết vụ án này vì các Điều 35 và Điều 36 BLTTDS không đề cập trường hợp không có trụ sở tại Việt Nam nhưng có Văn phòng đại diện tại Việt Nam, các điều luật nói trên chỉ quy định về tòa án nơi có trụ sở, nơi có chi nhánh của bị đơn. Vì vậy, dấu hiệu có văn phòng đại diện tại Việt Nam của bị đơn chỉ

giúp chúng ta xác định vụ án đó thuộc thẩm quyền của toà án Việt Nam theo điểm a khoản 2 Điều 410 BLTTDS. Quy định này của BLTTDS là phù hợp với nội dung của khoản 6 Điều 3 Luật thương mại năm 2005 về văn phòng đại diện, theo đó văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam là đơn vị phụ thuộc của thương nhân nước ngoài, được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam để tìm hiểu thị trường và thực hiện một số hoạt động xúc tiến thương mại mà pháp luật Việt Nam cho phép và Điều 17, Điều 18 Luật thương mại năm 2005 về quyền và nghĩa vụ của văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài.

Thứ tư, xã viên hợp tác xã không nhất trí với quyết định khai trừ tư cách xã viên và khởi kiện hợp tác xã ra toà án thì tòa án có thẩm quyền giải quyết loại tranh chấp này không? Nếu có thì thuộc loại tranh chấp nào gì? Về bản chất hợp tác xã và công ti là hai loại hình tổ chức kinh tế khác nhau hoàn toàn vì mỗi loại hình có luật riêng điều chỉnh, do đó có thể khẳng định vụ kiện trên không thuộc loại án kinh doanh, thương mại theo khoản 3 Điều 29 BLTTDS.

Theo điểm p khoản 2 Điều 12 Luật hợp tác xã năm 2003 thì Điều lệ của hợp tác xã phải có quy định về: "chế độ xử lý vi phạm điều lệ hợp tác xã và nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ". Ngày 9/6/2005 Chính phủ đã ban hành Mẫu hướng dẫn xây dựng điều lệ hợp tác xã kèm theo Nghị định số 77/2005/NĐ-CP. Tại Điều 3 Nghị định này quy định: "*Mỗi hợp tác xã có điều lệ riêng. Hợp tác xã có quyền quy định các nội dung khác trong điều lệ hợp tác xã nhưng phải phù hợp các quy định của Luật hợp tác xã năm 2003, Nghị định này và các quy định*

pháp luật có liên quan”. Bên cạnh đó, khoản 2 Điều 23 Mẫu hướng dẫn xây dựng điều lệ hợp tác xã ban hành kèm theo Nghị định số 77/2005/NĐ-CP quy định:

“1. Các tranh chấp kinh doanh, thương mại, lao động... phát sinh trong nội bộ hợp tác xã được giải quyết trên cơ sở hoà giải giữa xã viên với nhau và giữa xã viên với hợp tác xã theo nguyên tắc bình đẳng, hợp tác; trường hợp không giải quyết được thì trình đại hội xã viên xem xét, quyết định.

2. Trường hợp đại hội xã viên không giải quyết được tranh chấp thì đề nghị toà án nhân dân có thẩm quyền giải quyết tranh chấp đó”.

Trên thực tế, các hợp tác xã khi xây dựng điều lệ đã tuân thủ quy định này, do vậy các xã viên bị khai trừ có quyền khởi kiện ra toà án để giải quyết tranh chấp của họ với hợp tác xã, sau khi đại hội xã viên không giải quyết được tranh chấp này.

Từ những viện dẫn trên, có thể kết luận đây cũng không phải là tranh chấp lao động hay vụ kiện hành chính mà theo quy định tại điểm b tiểu mục 1.1 mục 1 Phần I Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao số 01/2005/NQ-HĐTP ngày 31/3/2005 thì đây cũng là loại tranh chấp về đầu tư giữa người góp vốn là cá nhân không có đăng kí kinh doanh với tổ chức không có đăng kí kinh doanh nhưng cả hai đều nhằm mục đích lợi nhuận thuộc thẩm quyền giải quyết của toà kinh tế (đối với các cấp toà án có toà chuyên trách). Mặc dù không phải là án kinh doanh, thương mại quy định tại Điều 29 BLTTDS nhưng bản án, quyết định cũng vẫn phải kí hiệu là kinh doanh thương mại./.

(1).Xem: Khoản 1 Điều 29 BLTTDS.

BẢO VỆ QUYỀN SỞ HỮU... (tiếp theo trang 55)

Điều 2280 quy định, người đang giữ vật của người khác bị mất mà đã mua vật đó ở chợ, hội chợ, bán đấu giá thì chủ sở hữu chỉ có quyền lấy lại vật bằng cách trả cho người giữ vật số tiền đã mua. Ngoài ra, điều luật này còn quy định, người cho thuê muốn đòi lại động sản cho thuê đã bị chuyển dịch mà không có sự đồng ý của mình thì phải trả cho người mua số tiền đã mua động sản đó.

Theo quy định của Điều 2280 nếu người ngay tình mua thông qua bán đấu giá, tại hội chợ chưa được xác lập quyền sở hữu theo thời hiệu thì chủ sở hữu chỉ có thể lấy lại tài sản bằng phương thức mua lại tài sản đó. Quy định này phù hợp với thực tế, bởi lẽ người mua qua đấu giá, hoặc trong hội chợ thì không buộc phải biết nguồn gốc tài sản có hợp pháp hay không, vì đó là cuộc mua bán công khai nơi công cộng mà ai cũng có thể mua và bán, vì thế để đảm bảo cho các giao lưu dân sự thông thoáng, ổn định thì cần phải bảo vệ người mua ngay tình.

Các quy định trong BLDS của Cộng hoà Pháp căn cứ vào ý chí của người chủ sở hữu, hành vi của người có vật và thời hiệu xác lập quyền sở hữu để bảo vệ quyền và lợi ích của chủ sở hữu và người ngay tình. Đây là các quy định hợp tình, hợp lý đảm bảo lợi ích của các chủ thể trong giao lưu dân sự.

Bảo vệ quyền sở hữu là trách nhiệm của các nhà nước đối với công dân và các tổ chức, tuy nhiên mỗi quốc gia có phương thức bảo vệ riêng. Mỗi phương thức đó đều tồn tại điểm mạnh và yếu, nếu kết hợp được các phương thức trên thì quyền sở hữu sẽ được bảo vệ có hiệu quả và toàn diện./.